

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		19	0	
2		P7+P8	7:25	15+7	0+0		10+12	0+0	
3		AMD+TD3	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
4		P4+P2+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
5		P11+CL+TD3	7:25	3+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 p11-cl
6		P5+TD1	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
7		P4+TD5	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
8		P1+P5	9:25	13+9	0+0		7+14	0+0	
9		RP3+RC5+P1	11:25	6+0+13	0+0+0		1+0+17	0+0+0	chuyen 8 Rp3-Rc5
10		HST+AMD	11:25	5+14	0+0		4+15	0+0	ec225
11		P4+P7+TD3	11:25	19+2+1	0+0+0		10+4+8	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P7-3ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:45
B.CARD: HONG-1	TO: TD2	CREW: ĐTRUNG - VTHẮNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3426	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	94	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG ĐỨC ANH	TD2	08	1	8			88	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	04	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
4	DƯƠNG HẢI BẰNG	TD2	97	1	3	2	25	80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ MINH ĐỨC	TD2	99	1	5			95	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	01	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
7	MAI ĐỨC THÂN	TD2	06	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH CƯỜNG	TD2	02-03	2	9			57	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	98	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH DUY HẢI	TD2	10	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN HÙNG	TD2	07	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	95	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ HÙNG DŨNG	TD2	05	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN PHO	TD2	600	1	10			58	DMC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TÀI	TD2	96	1	3			77	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG DUY THẠCH	TD2	93	1	4			74	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG TUẤN ĐẠT	TD2	09	1	7			75	PSV	Vietnamese
18	TRAN HA THANH TAM	TD2	11	1	6			67	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.342	19	103	2	25	19		
TOTAL		18	1.342	19	103	2	25	19		
WEIGHT KG			1.342		103		25			

GRAND TOAL: 1.470 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P7 - P8	CREW: TTRUNG - NAM - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3432	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VĂN BẮC	P7						74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHONG	P7				3	45	66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TOÀN	P7	30	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TUẤN ANH	P7						67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LƯU	P7	31	1	6			67	YTE	Vietnamese
6	HUỲNH THANH TAM	P7	25-26	2	6			87	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIÊN	P7	22	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG THANH	P7	23-24	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	17-18	2	11			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THÌN	P7	16	1	19			77	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NGỌC DƯƠNG	P7	29	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG THẾ HẢI	P7	27	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯ LÊ THANH TIẾN	P7	19-20	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	21	1	4			76	PSV	Vietnamese
15	MAI VĂN TOÀN	P7	28	1	10			55	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BỘ	P8	01,98	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRỊNH QUANG KHANH	P8	91-92	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
18	CAO VĂN HUYỀN	P8	93	1	15			79	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN PHÚ	P8	96	1	10	1	16	76	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN THANH NGHIỆM	P8	99	1	10	1	12	62	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN THOẠI	P8	94-95	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHÊ	P8	90	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	15	1.078	16	100	3	45	10		
2	P8	7	491	10	99	2	28	12		
TOTAL		22	1.569	26	199	5	73	22		
WEIGHT KG			1.569		199		73			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: AMD - TD3	CREW: LINH - N.CƯƠNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3435	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	STANLEY FUREY	AMD	81-82	2	16			104	BAB	American
2	TRAN DAI NGHIA	AMD	84	1	6			72	HLJOC	Vietnamese
3	VŨ HỮU QUYẾT	AMD	79-80	2	13			71	ABS	Vietnamese
4	QUÁCH THÀNH ĐỘ	AMD	76-77	2	12	1	14	65	VR	Vietnamese
5	HỒ ANH QUỐC	AMD	72	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	83	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	69-70	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	73	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HÙNG	AMD	74-75	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI KHẮC HOÀNG	AMD	71	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN QUÂN	TD3	33	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TIẾN LỰC	TD3	35	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	32	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
14	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	34	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN KỶ	TD3	37	1	4			92	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	31	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	40	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ SỸ HÙNG	TD3	36	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN TUÂN	TD3	39	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH VĂN THANH	TD3	83	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	TD3						74	KH-THAC	Vietnamese
22	GIMRANOV M. G.	TD3	41-42	2	12			82	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	10	692	15	91	1	14	7		
2	TD3	12	863	12	69	0	0	15		
TOTAL		22	1.555	27	160	1	14	22		
WEIGHT KG			1.555		160		14			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIẾP

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:42
B.CARD: TRẮNG-1	TO: P4 - P2 - BK16	CREW: ĐỨC - T.HIẾU - DŨNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3438	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÕ DUY TOÀN	P4	55	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THÁI	P4	67	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BẰNG	P4	70	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4	57	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THÁI SƠN	P4	71	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH CANG	P4	48	1	6			78	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NĂM	P4	65	1	4			72	KHI	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	45	1	5			77	KHI	Vietnamese
9	LƯƠNG THANH VŨ	P4	66	1	6			70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGOC MẠNH THẮNG	P4	59-60	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC HIỂN	P4	61	1	11	2	25	88	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ HỒNG TÍN	P4	69	1	4			82	YTE	Vietnamese
13	LÊ ANH THẮNG	P4	54	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NHÂN HẢI	P4	68	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN NGỌC TUẤN	P4	50	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
16	BÙI MINH TUẤN	P4	49	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TÂN	P4	56	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	53	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	62-63	2	4			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	58	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG VĂN QUANG	P4	72	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TOÀN	P4	64	1	4	3	60	64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	22	1.525	24	149	5	85	15		
2	P2	0	0	0	0	0	0	5		
3	BK16	0	0	0	0	2	28	2		
TOTAL		22	1.525	24	149	7	113	22		
WEIGHT KG			1.525		149		113			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

LÊ TRUNG HIẾU



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VÀNG-1	TO: P11 - CLI - TD3	CREW: HUNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3428	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUANG VINH	P11	82	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese
2	HÀ ĐỨC HÙNG	P11	81	1	8			61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN BÁ SƠN	P11	79-80	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	46	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ NGỌC THÀNH	TD3	33	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	38	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	44-45	2	8			75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY LONG	TD3	42-43	2	6			66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	28	1	13			80	KHOAN	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	47	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
11	LƯƠNG HỮU HẬU	TD3	34	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI THẾ DƯƠNG	TD3	31	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC BÌNH	TD3	35-36	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	27	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	TD3	32	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TD3						70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC HÙNG	TD3	39	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGHĨA TÀI	TD3	30	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHI DÂN	TD3	29	1	11			55	YTE	Vietnamese
20	VŨ VĂN PHÚC	TD3	40-41	2	8			59	PSV	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD3	37	1	7			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	3	204	4	32	0	0	1 + 2		CHUYỂN 02 KHÁCH TỪ P11 SANG CLI
2	CLI	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD3	18	1.291	21	138	0	0	21		
TOTAL		21	1.495	25	170	0	0	22		
WEIGHT KG			1.495		170		0			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P5 - TD1	CREW: TTRUNG - NAM - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3433	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P5	33	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC TÙNG	P5	37-38	2	14			77	YTE	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG HIẾU	P5	56	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG PHÚC	P5						50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOÀNG	P5	35	1	9			85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DŨNG	P5	34	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC HUY	P5	36	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN KIÊN	TD1	31	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	32	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT CHƯƠNG	TD1	90	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	30	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH HIẾU	TD1	35,87	2	10			56	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	88	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG MINH SƠN	TD1	28	1	10			72	ANTOAN	Vietnamese
15	HÀ MINH TUẤN	TD1	29	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÔI	TD1	25	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN BÌNH	TD1	91	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIÊN DŨNG	TD1	27	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
19	DOROSHENKO MAXIM	TD1	34	1	10			98	KHOAN	Russian
20	VŨ VĂN GIANG	TD1	26	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
21	BOIKO DENIS	TD1	33	1	6			103	KH-THAC	Russian
22	LÊ XUÂN TÌNH	TD1	89	1	9			91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	7	488	7	46	0	0	5		
2	TD1	15	1.109	16	96	0	0	17		
TOTAL		22	1.597	23	142	0	0	22		
WEIGHT KG			1.597		142		0			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: P4 - TD5	CREW: LINH - N.CƯƠNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3436	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	84	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THÀNH NAM	P4	83	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀM VĂN QUẢNG	P4	85	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG	P4	80	1	6	5	95	84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HAI	P4	82	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN BA	P4	81	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC HẢI	TD5	19	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	23-24	2	7			66	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐỊNH	TD5	30	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
10	NHỮ THANH TUYỀN	TD5	29	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD5	12	1	4			85	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	28	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	18	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
14	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	13	1	11	2	8	60	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG PHONG	TD5	21-22	2	10			77	YTE	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DUY	TD5	20	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN HOÀNG LAM	TD5	32-33	2	11			72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	34	1	8			57	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ VĨNH CƯỜNG	TD5	31	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN CAO DANH	TD5	35-36	2	8			59	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD5	25-27	3	18			71	DVL	Vietnamese
22	VÔ HỮU TÂN	TD5	16-17	2	15			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	6	416	6	38	5	95	4		
2	TD5	16	1.108	23	128	2	8	18		
TOTAL		22	1.524	29	166	7	103	22		
WEIGHT KG			1.524		166		103			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: VÀNG-2	TO: P1 - P5	CREW: HUNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/3429	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VIASIANKIN A. A.	P1	14	1	12			115	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN HƯỜNG	P1	11	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG VINH	P1	21	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO MINH TUẤN	P1	15	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	P1	12	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	18	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	P1	19	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ÁNH HÙNG	P1	16	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
9	HUỖNH NGỌC BÍCH	P1	07-09	3	15			65	YTE	Vietnamese
10	TRẦN BÙI NAM	P1	13	1	12			101	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG PHI LONG	P1	10	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	17	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ KIÊN TRUNG	P1	20	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	P5	02-03	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	01	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P5						95	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUANG HUY	P5	07	1	11			104	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SANG	P5	08-09	2	20	2	32	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P5	10-11	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	06	1	11			55	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN TÌNH	P5	04	1	6			69	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THE ANH	P5	05	1	7			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	13	1.015	15	110	0	0	8		
2	P5	9	677	11	91	2	32	14		
TOTAL		22	1.692	26	201	2	32	22		
WEIGHT KG			1.692		201		32			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: RP3 - RC5 - P1	CREW: NAM - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/3434	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG VĂN THÀNH	RP3	73-74	2	13	5	90	66	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	RP3	78	1	8			65	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN HÙNG	RP3	79	1	10			81	KHI	Vietnamese
4	LÊ TIẾN HÙNG	RP3	75	1	7			66	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RP3	76-77	2	14	2	32	85	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĨNH BÍCH	RP3	72	1	9			64	KHI	Vietnamese
7	MEZIDI HACENE	RP3	82-83	2	20			55	THIEN NAM	Algeria
8	PHẠM ANH SƠN	P1	33	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG ANH	P1	35	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ VINH	P1	34	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
11	THIỀU KIM TÂN	P1	39-40	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI HUY NGHIỆP	P1						76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM SỸ HIỆP	P1	32	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NĂM CƯƠNG	P1						70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG ĐÌNH HÒA	P1	38	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	P1	31	1	2			54	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	37	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THẮNG	P1	36	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	42	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUANG HUY	P1	41	1	6			88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	7	482	10	81	7	122	1	8	CHUYEN 8 PAX RP3-RC5
2	RC5	0	0	0	0	2	30	1		
3	P1	13	852	12	65	0	0	17		
TOTAL		20	1334	22	146	9	152	19		
WEIGHT KG			1334		146		152			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: HST - AMD	CREW: ĐTRUNG - VUONG	ETA: 13:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/3427	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN NHA	HST	43	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÚ	HST	42	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOÀI	HST	44	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG TRUNG KIÊN	HST	40	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN TRỌNG	HST	41	1	6			56	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	10	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	14	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN SÁU	AMD	08	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	13	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG DŨNG	AMD	15	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NHÀN	AMD	09	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	06	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HỮU TÌNH	AMD	87	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI SỸ QUYỀN	AMD	05	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	88	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	11-12	2	19			83	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN GIANG	AMD	07	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU CUÔNG	AMD	02-04	3	17			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	01	1	7			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	5	313	5	38	0	0	4		
2	AMD	14	935	17	113	0	0	15		
TOTAL		19	1.248	22	151	0	0	19		
WEIGHT KG			1.248		151		0			

GRAND TOAL: 1.399 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG
TRẦN HÙNG VƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: P4 - P7 - TD3	CREW: LINH - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/3437	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỒNG TRUNG	P4	08	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI MẠNH CƯỜNG	P4	18	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ TÙNG	P4	27	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC LÂN	P4	28	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CHIÊU	P4	15	1	12			59	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LƯƠNG	P4	19	1	13			57	XAYLAP	Vietnamese
7	VÕ VĂN HOÀI	P4	14	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN TUAT	P4						83	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG HUY	P4	12-13	2	16			48	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN NHƯ TIẾN ĐẠT	P4	16-17	2	13			60	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN KHANH	P4	09	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VIỆT HUY	P4	25-26	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	07	1	13			61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM KHÁNH	P4	22-23	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN BÁ QUY	P4	20-21	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	P4	10-11	2	17			58	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TÀI	P4	05-06	2	18	1	16	76	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4						77	PSV	Vietnamese
19	LÊ CÔNG MINH	P4	24	1	5			110	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU ÁT	P7	36	1	10			56	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	P7	37	1	12	1	15	46	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
22	LÊ TIẾN QUÝ	TD3	45	1	4			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.291	24	213	1	16	10		
2	P7	2	102	2	22	1	15	4		
3	TD3	1	78	1	4	0	0	8		
TOTAL		22	1.471	27	239	2	31	22		
WEIGHT KG			1.471		239		31			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC

